

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2024/DS-ST**
ngày 27/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Văn Phúc và bà Hoàng Thị Gấm

Thư ký phiên tòa: bà Mã Thị Diệu - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 27/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 14/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 988/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người được ủy quyền: ông Hoàng Quang H, chức vụ: Giám đốc A chi nhánh N1, tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Ủy quyền cho ông Hoàng Minh C, chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng tham gia tố tụng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đồng bị đơn:

- Bà Nông Thị M - sinh năm 1981

- Ông Phan Văn M1 - sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Bà Nông Thị M vắng mặt không có lý do. Ông Phan Văn M1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/6/2018 vợ chồng bà Nông Thị M và ông Phan Văn M1 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 với Ngân hàng N - Chi nhánh N1 để vay tiền với hạn mức tín dụng được cấp là 50.000.000, đồng (Năm mươi trăm

triệu đồng chẵn), mục đích vay vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh đời sống hộ gia đình, cho vay không có đảm bảo bằng tài sản, thời hạn 36 tháng, phương thức trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Số tiền đã giải ngân là 20.000.000, đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 8,55%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/8/2021 bà M và ông M1 chỉ trả được một lần lãi là 941.151 đồng và trả một lần nợ gốc vào ngày 03/11/2022 là 100.000 đồng, dẫn đến khoản vay chuyển nợ xấu. Dư nợ đến ngày 25/6/2024 là 27.040.177 đồng, trong đó gốc là 19.900.000 đồng, lãi 7.140.177 đồng. Mặc dù đã được Ngân hàng mời đến làm việc để xử lý khoản vay chuyển nợ xấu nhưng bà M, ông M1 không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do đó A chi nhánh N1 khởi kiện yêu cầu bà M, ông M1 phải có nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/06/2024 là: 27.040.177 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng) và tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 đã ký kết ngày 11/6/2018.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phan Văn M1 trình bày: Tôi và vợ tôi là Nông Thị M có được ký kết hợp đồng vay 20.000.000 đồng với Ngân hàng N - chi nhánh N1 để phục vụ sản xuất, nhưng do vợ tôi bỏ nhà đi làm công nhân, bỏ lại ba đứa con cho tôi tự nuôi, không gửi tiền về nên tôi chưa có tiền trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo quy định.

Đối với bị đơn Nông Thị M, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình trốn tránh không chịu hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án.

[3] Phiên tòa ngày 30/8/2024 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Nông Thị M vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh, cho nên phải hoãn phiên tòa. Bị đơn Phan Văn M1 có mặt.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Nông Thị M tiếp tục vắng mặt không có lý do, cố tình trốn tránh không hợp tác giải quyết vụ án. Bị đơn Phan Văn M1 và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Phan Văn M1 đã chấp hành, nhưng bị đơn Nông Thị M không chấp hành Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ của vụ án, nhận thấy vợ chồng bà Nông Thị M và ông Phan Văn M1 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 để vay A chi nhánh N1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn) với mục đích phục vụ sản xuất, cho vay không có đảm bảo bằng tài sản, thời hạn 36 tháng, lãi suất 8,55%/năm. Quá

trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/8/2021 bà M và ông M1 chỉ trả được một lần lãi là 941.151 đồng và trả một lần nợ gốc vào ngày 03/11/2022 là 100.000 đồng, dẫn đến khoản vay chuyển nợ xấu. Dư nợ đến ngày 25/6/2024 là 27.040.177 đồng, trong đó gốc là 19.900.000 đồng, lãi 7.140.177 đồng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 được ký kết đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật và được ông Phan Văn M1 thừa nhận nhưng lý do chưa trả được nợ là không có căn cứ, còn bà Nông Thị M cố tình trốn tránh tham gia tố tụng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nông Thị M và Phan Văn M1 phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/06/2024 là: 27.040.177 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng). Trong thời gian chưa thanh toán hết nợ, bà Nông Thị M và ông Phan Văn M1 phải chịu lãi suất quá hạn theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 cho đến khi tất toán khoản vay. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn được trả lại án phí theo quy định. Bị đơn sẽ phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Hợp đồng được ký kết ngày 11/6/2018, vì vậy sẽ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 11/6/2018 vợ chồng bà Nông Thị M và ông Phan Văn M1 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 với Ngân hàng N - Chi nhánh N1 để vay tiền với hạn mức tín dụng được cấp là 50.000.000, đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn), mục đích vay vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh đời sống hộ gia đình, cho vay không có đảm bảo bằng tài sản, thời hạn 36 tháng, phương thức trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ. Số tiền đã giải ngân là 20.000.000, đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 8,55%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/8/2021 bà M và ông M1 chỉ trả được một lần lãi là 941.151 đồng và trả một lần nợ gốc vào ngày 03/11/2022 là 100.000 đồng, dẫn đến khoản vay chuyển nợ xấu. Do đó A chi

nhánh N1 khởi kiện yêu cầu bà M, ông M1 phải có nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/06/2024 là: 27.040.177 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng) và tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 đã ký kết ngày 11/6/2018.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, vì: Hợp đồng tín dụng số được các bên ký kết đã tuân theo trình tự thủ tục của pháp luật và được ông Phan Văn M1 thừa nhận phù hợp với hồ sơ gốc vay vốn, chứng từ giải ngân, bảng kê nhận tiền vay và chữ ký của khách hàng Nông Thị M và Phan Văn M1 do Ngân hàng cung cấp. Về lý do không trả nợ của ông Phan Văn M1 là không có căn cứ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng bà Nông Thị M và ông Phan Văn M1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh N1 số tiền tính đến ngày 25/6/2024 là 27.040.177 đồng, trong đó gốc là 19.900.000 đồng, lãi 7.140.177 đồng theo hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 đã ký kết với Ngân hàng.

Trong thời gian chưa thanh toán hết nợ, bà Nông Thị M và ông Phan Văn M1 phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 cho đến khi tất toán khoản vay.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo hợp đồng tín dụng số 8312LAV201800604 ngày 11/6/2018 nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.000.000,đ (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0002377 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa.

Bị đơn Nông Thị M và Phan Văn M1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.352.000,đ (Một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[3] Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh CB;
- VKSND tỉnh CB;
- VKSND huyện QH;
- Chi Cục THADS huyện QH;
- UBND xã Đại Sơn;
- Lưu HSV A.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp